



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

đã được soát xét

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	6 – 34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện tiền thân là Công ty TNHH Alphanam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 08 năm 1995, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100520683 và 03 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 120.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG KỲ KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY

Trong kỳ, Công ty đã thanh lý Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á. Theo đó, lãi thanh lý Công ty con trên Báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ là 20.139.545.425 đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 34).

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Duy Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2013
Ông Lâm Sơn Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2013
Bà Âu Thiên Hương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2013
Ông Tetsuji Nagata	Ủy viên	
Ông Đàm Xuân Dũng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Trần Đại	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Văn Hải	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2013

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đàm Xuân Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trần Đại	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trương Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2013
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Đạt	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Dũng

Số: 228./2013/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện được lập ngày 16 tháng 8 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2012

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc


Bùi Ngọc Vương
Số Giấy CN ĐKHN
kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên


Bùi Ngọc Hà
Số Giấy CN ĐKHN
kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		293.776.608.834	242.884.982.107
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.208.757.237	7.337.982.679
1.	Tiền	111	V.01	4.208.757.237	7.237.982.679
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	44.049.391.250	220.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		44.049.391.250	220.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.430.195.444	194.260.806.526
1.	Phải thu khách hàng	131		100.680.363.672	167.290.283.271
2.	Trả trước cho người bán	132		60.040.570.669	29.698.085.395
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.589.725.215	3.095.602.281
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5.880.464.112)	(5.823.164.421)
IV.	Hàng tồn kho	140		84.385.131.218	39.597.771.842
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	84.385.131.218	39.597.771.842
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.703.133.685	1.468.421.060
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		92.213.557	55.247.047
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.929.296.609	503.498.722
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	37.233.294
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.681.623.519	872.441.997

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.120.420.292	73.974.803.350
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		24.805.562.340	15.230.345.302
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	7.035.105.590	15.201.015.354
	- Nguyên giá	222		17.555.511.831	25.920.631.384
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.520.406.241)	(10.719.616.030)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	29.329.948
	- Nguyên giá	228		180.000.000	285.800.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(180.000.000)	(256.470.052)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	17.770.456.750	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	16.150.532.122	1.800.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		18.223.875.180	10.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(2.073.343.058)	(8.200.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		11.745.763.146	16.660.554.483
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	11.745.763.146	16.660.554.483
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.11	42.418.562.684	40.283.903.565
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		388.897.029.126	316.859.785.457

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		216.918.685.965	206.184.425.501
I.	Nợ ngắn hạn	310		204.902.362.383	195.518.126.817
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	81.514.423.306	96.799.834.825
2.	Phải trả người bán	312		70.103.437.483	64.379.665.136
3.	Người mua trả tiền trước	313		33.917.244.279	28.404.184.326
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2.277.296.826	1.717.879.806
5.	Phải trả người lao động	315		265.140.611	395.356.075
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	231.733.540	458.510.342
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	16.593.086.338	3.362.696.307
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		12.016.323.582	10.666.298.684
3.	Phải trả dài hạn khác	333		5.178.458.389	4.040.092.724
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	6.837.865.193	6.626.205.960
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.424.052.568	110.323.895.234
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	131.424.052.568	110.323.895.234
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		840.866.910	840.866.910
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.583.185.658	(10.516.971.676)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C.	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		40.554.290.593	351.464.722
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		388.897.029.126	316.859.785.457

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		1.308.915.648	1.308.915.648
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		45.229,57	6.001,90
	EUR		228,04	8,18
	JPY		-	2.377.177
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Bùi Thị Hồng

Kế toán trưởng



Lê Văn Đạt

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013



Đàm Xuân Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	61.713.705.632	134.381.318.577
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61.713.705.632	134.381.318.577
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	55.829.636.185	128.248.403.605
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.884.069.447	6.132.914.972
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	22.386.067.290	529.116.163
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	(150.205.876)	8.270.898.398
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.850.303.113	8.401.854.273
8.	Chi phí bán hàng	24		4.005.028.661	4.382.808.909
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.364.935.688	6.925.465.338
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.050.378.264	(12.917.141.510)
11.	Thu nhập khác	31		11.194.936	17.613.138
12.	Chi phí khác	32		848.576.376	287.853.275
13.	Lợi nhuận khác	40		(837.381.440)	(270.240.137)
14.	Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.212.996.824	(13.187.381.647)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	112.702.230	31.284.634
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		21.100.294.594	(13.218.666.281)
	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	61		137.260	1.564.071
	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	62		21.100.157.334	(13.220.230.352)
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.06	1.758	(1.102)

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu



Bùi Thị Hồng

Kế toán trưởng



Lê Văn Đạt

Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		21.212.996.824	(13.187.381.647)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		858.418.704	926.145.092
-	Các khoản dự phòng	03		(6.126.656.942)	(400.000.000)
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		18.571.691	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.160.234.757)	(45.194.203)
-	Chi phí lãi vay	06		5.850.303.113	8.401.854.273
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		1.653.398.632	(4.304.576.485)
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		33.446.908.528	(9.543.106.664)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(44.787.359.376)	(27.654.758.017)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		3.342.967.424	55.045.159.425
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		5.411.453.735	292.337.067
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(5.850.303.113)	(8.401.854.273)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(581.952.773)	(2.447.659.001)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		775.517.516	3.837.739.049
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(456.796.773)	(664.056.341)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(7.046.166.201)	6.159.224.761
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(4.187.190.357)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(17.720.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.165.600.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(42.418.562.684)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		64.389.924.820	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.689.332	45.194.203
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		18.992.051.468	(1.696.396.154)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.706.499.789	85.030.711.657
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51.780.252.075)	(90.869.747.437)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.073.752.286)	(5.839.035.780)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.127.867.018)	(1.376.207.174)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.337.982.679	6.417.131.874
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.358.424)	(2.751)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.208.757.237	5.040.921.950

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Hồng

Lê Văn Đạt

Đàm Xuân Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.706.499.789	85.030.711.657
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51.780.252.075)	(90.869.747.437)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.073.752.286)	(5.839.035.780)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.127.867.018)	(1.376.207.174)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.337.982.679	6.417.131.874
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.358.424)	(2.751)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.208.757.237	5.040.921.950

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Hồng

Lê Văn Đạt

Đàm Xuân Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Sản xuất máy móc và chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu Composite (SMC);
- Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà;
- Giải phóng mặt bằng tổ chức san nền mặt bằng các khu vực dân dụng, công nghiệp;
- Xúc tiến thương mại và quảng cáo;
- Buôn bán và sửa chữa ô tô;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch các công trình;
- Thiết kế phong cảnh, sân vườn (chỉ thiết kế trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Tư vấn dự án, lập dự án;
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty

- Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 21/HĐCP/DO-CD ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty chuyển nhượng 1.034.260 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á cho Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam với giá chuyển nhượng là 62.257 đồng/cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 11,01% (tỷ lệ sở hữu tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 là 97,20%).
- Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 20/HĐCP/DO-CD ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mua lại 6.504.105 cổ phần của Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam) từ Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam với giá mua là 9.900 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu là 65,04%.

05. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2013	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Tại ngày 30/6/2013	Tại ngày 01/01/2013
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á(*)	Số 2 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội	-	-	97,20%
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng (**)	Số 2 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội	65,04%	65,04%	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây (Công ty con của Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng)	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	33,99%	52,26%	-

(*): Đã thanh lý ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(**): Mua Công ty con từ ngày 30 tháng 6 năm 2013.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định hữu hình, vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 – 5 năm
Quyền sử dụng đất	30 năm

Trong kỳ, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, đối với các tài sản cố định có nguyên giá từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng Công ty đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định thì giá trị còn lại của các tài sản này ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường (hoặc giá trị ghi sổ của tổ chức phát hành) của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí khác phát sinh liên quan đến nhiều niên độ kế toán.

08. Lợi thế thương mại và bất lợi thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

Bất lợi thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Bất lợi thương mại được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh.

09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	3.784.909.613	1.029.287.675
- Tiền gửi ngân hàng	423.847.624	6.208.695.004
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	4.208.757.237	7.237.982.679

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		40.829.391.250		-
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	1.127.149	40.829.391.250	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		3.220.000.000		220.000.000
+ Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vay		3.220.000.000		220.000.000
Cộng		44.049.391.250		220.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khác	1.589.725.215	3.095.602.281
+ Công ty Cổ phần Minh Nguyên	-	2.800.438.000
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	563.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 - MOMOTA	486.312.333	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	49.522.917	-
+ Khác	490.889.965	295.164.281
Cộng	<u>1.589.725.215</u>	<u>3.095.602.281</u>

04. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	997.984.328	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	79.272.960.408	38.061.280.062
- Thành phẩm	93.813.423	93.813.423
- Hàng hoá	4.020.373.059	1.442.678.357
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>84.385.131.218</u>	<u>39.597.771.842</u>

05. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	1.165.612.503	768.845.604
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	516.011.016	103.596.393
Cộng	<u>1.681.623.519</u>	<u>872.441.997</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>10.451.540.574</i>	<i>848.283.079</i>	<i>13.286.491.346</i>	<i>1.334.316.385</i>	<i>25.920.631.384</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-	23.000.000	23.000.000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	2.132.737.662	304.834.923	2.437.572.585
- Giảm do thanh lý Công ty con	(9.373.031.534)	(78.451.325)	(134.511.795)	(355.910.382)	(9.941.905.036)
- Giảm khác	(155.513.800)	(30.664.634)	-	(697.608.668)	(883.787.102)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>922.995.240</i>	<i>739.167.120</i>	<i>15.284.717.213</i>	<i>608.632.258</i>	<i>17.555.511.831</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.460.363.298</i>	<i>777.720.909</i>	<i>6.428.789.553</i>	<i>1.052.742.270</i>	<i>10.719.616.030</i>
- Khấu hao trong kỳ	-	17.592.323	809.087.142	24.755.899	851.435.364
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	1.125.611.566	267.003.710	1.392.615.276
- Giảm do thanh lý Công ty con	(1.381.854.258)	(78.451.325)	(82.201.658)	(126.668.520)	(1.669.175.761)
- Giảm khác	(155.513.800)	(9.369.767)	-	(609.201.101)	(774.084.668)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>922.995.240</i>	<i>707.492.140</i>	<i>8.281.286.603</i>	<i>608.632.258</i>	<i>10.520.406.241</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>7.991.177.276</i>	<i>70.562.170</i>	<i>6.857.701.793</i>	<i>281.574.115</i>	<i>15.201.015.354</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	<i>31.674.980</i>	<i>7.003.430.610</i>	-	<i>7.035.105.590</i>

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.498.970.313 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là: 5.166.913.492 đồng và 3.336.964.948 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng vay số 722/TD ngày 17/5/2010 của Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	285.800.000	285.800.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Giảm khác	-	(105.800.000)	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	180.000.000	180.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	256.470.052	256.470.052
- Khấu hao trong kỳ	-	6.983.340	6.983.340
- Giảm khác	-	(83.453.392)	(83.453.392)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	180.000.000	180.000.000
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	29.329.948	29.329.948
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-	-

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công trình Bình Minh – Cao Viên	17.770.456.750	-
Cộng	17.770.456.750	-

09. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>a- Đầu tư dài hạn khác</i>		18.223.875.180		10.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	132.100	8.223.875.180	-	-
<i>b- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</i>		(2.073.343.058)		(8.200.000.000)
+ Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (*)		(2.073.343.058)		(8.200.000.000)
Cộng		16.150.532.122		1.800.000.000

(*):Cổ phiếu Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long đã bị hủy niêm yết từ ngày 17 tháng 5 năm 2013. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập trên cơ sở Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 trích lập theo giá thị trường).

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lợi thế vị trí địa lý quyền sử dụng đất số 02 Đại Cổ Việt	-	4.430.797.728
- Chi phí còn lại của CCDC xuất dùng chờ phân bổ	289.144.892	151.779.727
- Chi phí sửa chữa nhà Đông Á	11.456.618.254	12.077.977.028
Cộng	<u>11.745.763.146</u>	<u>16.660.554.483</u>

11. Lợi thế thương mại

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Số đầu năm	40.283.903.565
- Phát sinh trong kỳ (*)	42.418.562.684
- Giảm trong kỳ (**)	40.283.903.565
- Số cuối kỳ	<u>42.418.562.684</u>

(*): Là giá trị lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất kinh doanh công ty con là Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(**): Giảm do phân bổ vào chi phí trong kỳ và thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á.

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>79.976.232.799</i>	<i>93.012.350.825</i>
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (*)	79.976.232.799	93.012.350.825
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.538.190.507</i>	<i>3.787.484.000</i>
Cộng	<u>81.514.423.306</u>	<u>96.799.834.825</u>

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các hàng hóa được mua trong kỳ.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.337.008.284
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	153.374.002
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	70.425.152
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.165.530.827	137.403.343
- Thuế thu nhập cá nhân	111.765.999	19.669.025
Cộng	<u>2.277.296.826</u>	<u>1.717.879.806</u>

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí công trình	231.733.540	434.796.802
- Chi phí khác	-	23.713.540
Cộng	<u>231.733.540</u>	<u>458.510.342</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	571.431.080	505.078.633
- Bảo hiểm xã hội	54.967.920	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.966.687.338	2.857.617.674
+ <i>Mượn tiền của bà Nguyễn Thị Hào</i>	-	1.447.275.000
+ <i>Mượn tiền của bà Nguyễn Thị Kim Ngân</i>	-	650.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Alphanam	213.736.111	209.458.333
+ Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên	256.872	-
+ Công ty CP Foodinco Miền Trung	123.534.950	-
+ Tổng Công ty CP XNK & XD Việt Nam <i>Vinaconex</i>	14.830.247	-
+ Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118	270.000.000	-
+ Nguyễn Tuấn Hải	14.248.969.434	-
+ Các đối tượng khác	1.095.359.724	550.884.341
Cộng	<u>16.593.086.338</u>	<u>3.362.696.307</u>

16. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	6.837.865.193	6.626.205.960
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (*)	6.837.865.193	6.626.205.960
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>6.837.865.193</u>	<u>6.626.205.960</u>

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay trung hạn, kỳ hạn 3 năm với lãi suất 15%/năm để sửa chữa tòa nhà số 2 Đại Cồ Việt. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác tòa nhà số 2 Đại Cồ Việt.



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	(35.733.197)	840.866.910	(3.417.637.143)	117.387.496.570
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	(7.099.334.533)	(7.099.334.533)
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	35.733.197	-	-	35.733.197
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	-	840.866.910	(10.516.971.676)	110.323.895.234
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	-	840.866.910	(10.516.971.676)	110.323.895.234
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	21.100.157.334	21.100.157.334
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	120.000.000.000	-	840.866.910	10.583.185.658	131.424.052.568

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN
 Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Doanh thu bán hàng hóa	6.509.005.047	102.758.429.858
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	50.370.414.387	30.567.129.047
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.087.175.390	1.055.759.672
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.747.110.808	-
Cộng	61.713.705.632	134.381.318.577

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.728.497.397	102.899.111.885
- Giá vốn của xây lắp công trình	46.773.972.634	25.349.291.720
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.001.061.486	-
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.326.104.668	-
Cộng	55.829.636.185	128.248.403.605

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.689.332	45.194.203
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.091.305	483.921.960
- Lãi do thanh lý công ty con (*)	20.139.545.425	-
- Lãi bán hàng trả chậm	2.209.741.228	-
Cộng	22.386.067.290	529.116.163

(*): Là lãi do thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á.

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Lãi tiền vay	5.850.303.113	8.401.854.273
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	107.576.263	269.044.125
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.571.691	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(6.126.656.942)	(400.000.000)
Cộng	(150.205.876)	8.270.898.398

05. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	112.702.230	31.284.634
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	112.702.230	31.284.634

06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	21.100.157.334	(13.220.230.352)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.100.157.334	(13.220.230.352)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.758	(1.102)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu công trình	48.501.146.470	49.224.626.778
- Chi phí nhân công	886.090.231	4.244.321.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.496.528.523	926.145.092
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.143.498.545	1.759.622.168
- Chi phí khác bằng tiền	2.815.879.162	1.949.298.082
Cộng	57.843.142.931	58.104.013.120

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan:****1.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Giao dịch với cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	
Vay tiền trong kỳ (không tính lãi)	15.250.000.000
Trả tiền trong kỳ	4.600.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	14.248.969.434
Cộng nợ phải trả	14.248.969.434

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Tiền lương	561.688.000
Cộng	561.688.000

Các bên liên quan khác với Công ty trong kỳ bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cổ phần Alphanam Xây dựng (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam)	Công ty con (từ ngày 30 tháng 6 năm 2013)
Công ty CP Thương mại Và Dịch vụ Đông Á	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (đầu tư gián tiếp)
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (đầu tư gián tiếp)
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 - MOMOTA (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam)	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (đầu tư gián tiếp)
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (đầu tư gián tiếp)
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Cổ đông góp vốn (tỷ lệ 9,01% vốn điều lệ)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2013
đến 30/6/2013

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Cho thuê xe ô tô 362.792.000

Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung

Thuê ô tô 7.260.146

Công ty Liên doanh Fuji - Alpha

Thuê ô tô 4.500.000

Bán hàng 85.024.799

Mua hàng 2.194.700.280

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 - MOMOTA (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam)

Mua hàng 2.546.524.400

Cho thuê ô tô 36.864.000

Bán hàng 2.757.057.389

Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam)

Bán hàng 3.340.083.374

Giá trị xây dựng hoàn thành 12.499.595.543

Lãi bán hàng chậm trả 2.209.741.228

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long

Mua hàng 83.917.167

Cho thuê ô tô 3.606.000

Bán hàng 3.893.604

Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên

Thuê nhà 818.193.664

Chi phí thuê dịch vụ điện nước, bảo vệ 96.311.174

Bán hàng 7.048.688

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Từ 01/01/2013
đến 30/6/2013**

Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam

Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Alphanam Xây Dựng	64.389.748.500
Bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	64.389.924.820
Cho thuê ô tô	1.284.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Số cuối kỳ

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

+ Phải thu khác	899.522.917
+ Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	3.220.000.000
+ Trả trước cho người bán	11.603.259.000
+ Phải thu khác	12.668

Công ty Liên Doanh Fuji - Alpha

+ Phải thu khách hàng	102.204.298
-----------------------	-------------

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118-MOMOTA (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam)

+ Phải thu khách hàng	6.055.308.800
+ Phải thu khác	486.312.333

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long

+ Phải thu khách hàng	950.400
+ Trả trước cho người bán	2.393.368.857

Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam

+ Phải thu khác	176.320
+ Phải thu khách hàng	540.412.400

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Á

+ Phải thu khách hàng	2.927.664.100
-----------------------	---------------

Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn

+ Phải thu khách hàng	4.377.403.536
+ Trả trước cho người bán	12.500.454.546
+ Các khoản phải thu khác	563.000.000

Cộng nợ phải thu

45.670.050.175

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

+ Phải trả phải nộp khác	213.736.111
+ Phải trả người bán	1.454.761.755
+ Người mua trả tiền trước	9.706.647.083

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Á

+ Phải trả người bán	698.279.867
----------------------	-------------

Công ty Cổ phần Foodico Miền Trung

+ Phải trả người bán	10.687.401.262
+ Phải trả phải nộp khác	123.534.950

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn + Phải trả người bán	885.235.427
Công ty Liên Doanh Fuji - Alpha + Phải trả người bán	7.259.124.256
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 - MOMOTA (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam) + Phải trả phải nộp khác + Phải trả người bán	270.000.000 2.812.290.120
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên + Phải trả người bán	1.252.890.316
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long + Người mua trả tiền trước	5.500.000.000
Cộng nợ phải trả	<u><u>41.526.411.494</u></u>

02. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Khu vực miền Bắc</u>	<u>Khu vực miền Nam</u>	<u>Khu vực miền Trung</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này				
Doanh thu thuần, bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.040.150.800	25.292.119.175	2.381.435.657	61.713.705.632
Doanh thu hoạt động tài chính	22.386.067.290	-	-	22.386.067.290
Chi phí trực tiếp	30.295.632.180	23.336.686.459	2.197.317.546	55.829.636.185
Các chi phí phân bổ	4.642.951.114	1.441.115.892	135.691.468	6.219.758.474
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.487.634.796	514.316.824	48.426.643	22.050.378.264
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	150.405.540	111.902.109	10.536.392	272.844.040
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	899.990.532	669.595.272	63.047.230	1.632.633.034
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	65.150.742.795	48.472.320.308	4.564.018.980	118.187.082.083
Tài sản phân bổ cho bộ phận	50.660.832.477	37.691.789.741	3.548.954.180	91.901.576.398
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				178.808.370.645
Tổng tài sản	115.811.575.272	86.164.110.049	8.112.973.160	388.897.029.126
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	41.773.189.345	31.079.360.378	2.926.346.206	75.778.895.930
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	46.368.694.896	34.498.428.335	3.248.276.144	84.115.399.375
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				57.024.390.660
Tổng nợ phải trả	88.141.884.241	65.577.788.714	6.174.622.351	216.918.685.965

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động xây lắp điện;
- Lĩnh vực 02: Hoạt động kinh doanh thương mại;
- Lĩnh vực 03: Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, v.v).

Kỳ này	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, ...)	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	50.370.414.387	6.509.005.047	4.834.286.198	61.713.705.632
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	171.473.300.417	22.158.256.815	16.457.101.249	210.088.658.481
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	222.693.925	28.777.128	21.372.986	272.844.040

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.208.757.237	7.337.982.679	4.208.757.237	7.337.982.679
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.270.088.887	170.385.885.552	96.389.624.775	164.562.721.131
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.049.391.250	220.000.000	44.049.391.250	220.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	7.926.656.942	1.800.000.000
Cộng	160.528.237.374	187.943.868.231	152.574.430.204	173.920.703.810
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	70.103.437.483	64.379.665.136	70.103.437.483	64.379.665.136
Vay và nợ	88.352.288.499	103.426.040.785	88.352.288.499	103.426.040.785
Chi phí phải trả	231.733.540	458.510.342	231.733.540	458.510.342
Các khoản phải trả khác	21.771.544.727	7.402.789.031	21.771.544.727	7.402.789.031
Cộng	180.459.004.249	175.667.005.294	180.459.004.249	175.667.005.294

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với Các khoản phải thu khách hàng) và từ các hoạt động tài chính, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, công ty yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam.

Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do trình trạng thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính cho của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	70.103.437.483	-	70.103.437.483
Vay và nợ	81.514.423.306	6.837.865.193	88.352.288.499
Chi phí phải trả	231.733.540	-	231.733.540
Các khoản phải trả khác	16.593.086.338	5.178.458.389	21.771.544.727
Cộng	168.442.680.667	12.016.323.582	180.459.004.249
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	64.379.665.136	-	64.379.665.136
Vay và nợ	96.799.834.825	6.626.205.960	103.426.040.785
Chi phí phải trả	458.510.342	-	458.510.342
Các khoản phải trả khác	3.362.696.307	4.040.092.724	7.402.789.031
Cộng	165.000.706.610	10.666.298.684	175.667.005.294

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Bùi Thị Hồng

Kế toán trưởng



Lê Văn Đạt

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Dũng